Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.

- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Yếu tố thân thiện môi trường;

- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt[1]:

[1] Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung đánh giá		Tiêu chí đánh giá (đạt, không đạt)
1. Chủng loại, quy cách hàng hóa, giải pháp kỹ thuật và biện pháp cung cấp lắp đặt hàng hóa		
Chủng loại, quy cách hàng hóa, giải pháp kỹ thuật và biện pháp cung cấp lắp đặt hàng hóa	a). Hàng hóa dự thầu phải đảm bảo và nêu rõ: Ký mã hiệu; Nhãn mác sản phẩm; Nguồn gốc xuất xứ, b). Hàng hóa chào thầu mới 100% chưa qua sử dụng, năm sản xuất 2025. c). Có cam hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý và cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng; hồ sơ kỹ thuật; giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) và giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) của hãng sản xuất; catalogue; hướng dẫn sử dụng; hồ sơ bảo hành ... và các hồ sơ khác liên quan kèm theo d) Có cam kết kiểm tra và thử nghiệm, hướng dẫn sử dụng và chuyển giao công nghệ tại địa điểm giao hàng trước khi nghiệm thu bàn giao: - Kiểm tra tổng thể và chi tiết tình trạng của hàng hóa. - Kiểm tra các phần mềm cài đặt cho xe; Vận hành chạy thử các phần mềm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất. - Kiểm tra xe chạy thử không tải, có tải theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất. - Đào tạo và hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ.	**Đạt**
	Không đáp ứng 1 trong các yêu cầu trên	**Không đạt**
2. Thông số kỹ thuật của hàng hóa		
Đặc tính, thông số kỹ	Hàng hóa dự thầu đúng số lượng, quy	**Đạt**

Nội dung đánh giá		Tiêu chí đánh giá (đạt, không đạt)
thuật của hàng hóa	cách, thông số kỹ thuật theo quy định tại Phần 2 Chương V của E-HSMT	
	Hàng hóa dự thầu không đúng số lượng, quy cách, thông số kỹ thuật theo quy định tại tại Phần 2 Chương V của E-HSMT	**Không đạt**
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	Thời gian cung cấp hàng hóa không quá 45 ngày	**Đạt**
	Thời gian cung cấp hàng hóa > 45 ngày	**Không đạt**
4. Bảo hành		
4.1 Thời gian bảo hành	a). Cam kết Bảo hành ≥ 60 tháng hoặc ≥ 150.000Km tùy theo yếu tố nào đến trước đối với xe ô tô 7 chỗ (chua bao gồm ghế lái) 01 cầu; b). Cam kết Bảo hành ≥ 36 tháng hoặc ≥ 100.000Km tùy theo yếu tố nào đến trước đối với xe ô tô 5 chỗ;	**Đạt**
	Không có cam kết hoặc thời gian bảo hành không đáp ứng theo yêu cầu	**Không đạt**
4.2 Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác	Nhà thầu có cam kết bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng và sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót ... kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư trong vòng 24 giờ.	**Đạt**
	Không đáp ứng yêu cầu trên	**Không đạt**
5. Uy tín của nhà thầu		
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nhà thầu có cam kết không vi phạm các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	**Đạt**
	Không có bản cam kết hoặc vi phạm một trong các nội dung trên	**Không đạt**

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.